

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội,
mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (gọi tắt Nghị định 20/2021/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (gọi tắt Thông tư 02/2021/TT-BLĐTBXH);

Căn cứ Công văn số 2323/LĐTBXH-BTXH ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đính chính kỹ thuật Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang, với các nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Thời gian qua, việc triển khai thực hiện chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh An Giang đạt nhiều kết quả tốt góp phần cải thiện và ổn định đời sống cho các đối tượng trợ giúp xã hội. Giai đoạn 2016 - 2020, bình quân hàng năm trợ giúp xã hội thường xuyên và hỗ trợ chi phí mai táng cho 87.540 trường hợp, kinh phí trên 411 tỷ đồng/năm và trong 5 năm đã trợ giúp đột xuất cho hơn 4.667 trường hợp bị ảnh hưởng bởi thiên tai, hỏa hoạn và lý do bất khả kháng khác, kinh phí trên 73 tỷ đồng. Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội phụ thuộc nhiều vào nguồn ngân sách Trung ương, mức chuẩn trợ giúp xã hội đã thực hiện từ năm 2013 đến nay đã bị trượt giá nhiều (270.000 đồng/tháng theo quy định Nghị định số 136/2013/NĐ-CP) và đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh khó khăn được hỗ trợ trực tiếp từ các chương trình, dự án, các chính sách xã hội còn hạn chế.

Theo quy định tại Điều 4 Nghị định 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội:

“1. Mức chuẩn trợ giúp xã hội là căn cứ xác định mức trợ cấp xã hội, mức hỗ trợ kinh phí nhận chăm sóc, nuôi dưỡng; mức trợ cấp nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội và các mức trợ giúp xã hội khác.

2. Mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 là 360.000 đồng/tháng.

3. Tùy thuộc điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định:

a) Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn bảo đảm không thấp hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này.

b) Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định này được hưởng chính sách trợ giúp xã hội”.

Theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 6 Thông tư 02/2020/TT-BLĐTBXH đã đính chính kỹ thuật tại Công văn số 2323/LĐTBXH-BTXH quy định:

“b) Căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn bằng hoặc cao hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; xem xét quyết định đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội, trong đó có đối tượng người khuyết tật là thế hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học”.

Theo Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định:

“Điều 27. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên. ...”

Do đó, để triển khai thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh An Giang thời gian tới đúng quy định theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang là cần thiết và đúng thẩm quyền.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM

1. Mục đích

Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang, để hoàn thiện chính sách về trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội nhằm trợ giúp cho đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước, tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh và đúng thẩm quyền. Tổ chức triển khai thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đạt hiệu quả, đảm bảo chế độ cho các đối tượng đúng, đủ, kịp thời.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng theo quy định với các bước sau:

- Lập Tờ trình đề nghị bổ sung nội dung vào chương trình ban hành Nghị quyết năm 2021 Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp lần thứ 3 khóa X, nhiệm kỳ 2021- 2026;

- Soạn thảo dự thảo Nghị quyết;

- Lấy ý kiến về dự thảo Nghị quyết: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các cơ quan, địa phương, tổ chức liên quan; sau đó tổng hợp tiếp thu ý kiến đóng góp và giải trình;

- Cơ quan soạn thảo đã gửi Sở Tư pháp thẩm định dự thảo và Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định tại Báo cáo số 113/BC-STP ngày 20/5/2021 và Công văn số 1076/STP-XDKT&TDTHPL ngày 26/7/2021.

- Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh và xem xét, chỉnh lý, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục: Dự thảo Nghị quyết gồm 3 Điều:

Điều 1. Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Điều 3. Hiệu lực thi hành

2. Nội dung cơ bản của dự thảo văn bản

Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang:

- Mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang là 360.000 đồng/tháng.

- Mức trợ giúp xã hội (Phụ lục đính kèm).

- Nguồn kinh phí thực hiện: từ ngân sách nhà nước theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

Nhằm triển khai thực hiện tốt và kịp thời chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thống nhất quyết định ban hành Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Tờ trình này thay thế Tờ trình số 463/TTr-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT: TU, UBND tỉnh;
- Ban VHXXH-HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở: LĐTB&XH, TC, TP;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Phòng: KGVX, TH;
- Lưu: VT.



Lê Văn Phước

**PHỤ LỤC
MỨC TRỢ GIÚP XÃ HỘI**

(kèm theo Tờ trình số 490 /TTr-UBND ngày 06/8/2021)

A. Mức chuẩn trợ giúp xã hội: là 360.000 đồng/tháng.

B. Mức trợ giúp xã hội:

I. Trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng:

1. Mức trợ cấp xã hội hàng tháng đối với đối tượng thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định 20/2021/NĐ-CP bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội (360.000 đồng/tháng) nhân (x) với hệ số tương ứng được quy định tại Điều 6 Nghị định 20/2021/NĐ-CP.

2. Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định 20/2021/NĐ-CP bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội (360.000 đồng/tháng).

II. Trợ giúp xã hội khẩn cấp

1. Hỗ trợ lương thực: Hỗ trợ 15 kg gạo/người/tháng trong thời gian 01 tháng cho mỗi đợt hỗ trợ đối với các đối tượng thuộc hộ thiếu đói dịp Tết âm lịch. Hỗ trợ không quá 3 tháng cho mỗi đợt hỗ trợ cho đối tượng thiếu đói do thiên tai, hỏa hoạn, mất mùa, giáp hạt hoặc lý do bất khả kháng khác từ nguồn lực của địa phương và nguồn dự trữ quốc gia.

2. Hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng do thiên tai, hỏa hoạn; tai nạn giao thông, tai nạn lao động nghiêm trọng hoặc do các lý do bất khả kháng khác tại nơi cư trú và ngoài nơi cư trú được xem xét hỗ trợ với mức bằng 10 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội (360.000 đồng/tháng).

3. Hỗ trợ chi phí mai táng:

- Hộ gia đình có người chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh; tai nạn giao thông, tai nạn lao động nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác được xem xét hỗ trợ chi phí mai táng với mức bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội (360.000 đồng/tháng);

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân tổ chức mai táng cho người chết do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh; tai nạn giao thông, tai nạn lao động nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác không có người nhận trách nhiệm tổ chức mai táng thì được xem xét, hỗ trợ chi phí mai táng theo chi phí thực tế, bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội (360.000 đồng/tháng).

4. Hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không còn nơi ở thì được xem xét hỗ trợ chi phí làm nhà ở với mức 40.000.000 đồng/hộ.

- Hộ phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác được xem xét hỗ trợ chi phí di dời nhà ở với mức 30.000.000 đồng/hộ.

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị hư hỏng nặng do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không ở được thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở với mức 20.000.000 đồng/hộ.

III. Trợ giúp chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng và tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội

1. Trợ giúp chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng

- Đối tượng thuộc diện được hộ gia đình, cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng tại cộng đồng theo quy định tại Điều 18 Nghị định 20/2021/NĐ-CP thì được hỗ trợ kinh phí nhận chăm sóc, nuôi dưỡng cho mỗi đối tượng theo quy định bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội (360.000 đồng/tháng) nhân (x) với hệ số tương ứng theo quy định tại Điều 20 Nghị định 20/2021/NĐ-CP.

2. Trợ giúp chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội

- Đối tượng: Theo quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 24 Nghị định 20/2021/NĐ-CP.

- Mức trợ cấp, nuôi dưỡng hàng tháng cho mỗi đối tượng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội (360.000 đồng/tháng) nhân (x) với hệ số tương ứng theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 Nghị định 20/2021/NĐ-CP.

- Hỗ trợ chi phí mai táng khi chết theo chi phí thực tế, bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội (360.000 đồng/tháng).

IV. Trường hợp đối tượng đủ điều kiện hưởng các chính sách trợ giúp từ những văn bản khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất. Riêng người đơn thân nghèo đang nuôi con là đối tượng quy định tại các Khoản 5, 6 và 8 Điều 5 Nghị định 20/2021/NĐ-CP thì được hưởng cả chế độ đối với đối tượng quy định tại Khoản 4 Điều 5 và chế độ đối với đối tượng quy định tại các Khoản 5, 6 và 8 Điều 5 Nghị định 20/2021/NĐ-CP./.
